

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước”; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc: “Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân”;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị”; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo Quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước”;

Căn cứ Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc: “Ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa”;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa trình Hội đồng nhân dân Thanh Hóa xem xét, phê chuẩn cho ban hành “Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Thanh Hóa”; với các nội dung cụ thể như sau:

A) Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

1. Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13, ngày 13/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp

luật”. Tuy nhiên, một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Thanh Hóa do UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1345/2015/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 lại chưa được bổ sung.

2. Chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị ban hành tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính; theo đó Quyết định số 1060/2011/QĐ-UBND ngày 06/4/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa cũng không còn hiệu lực và đã được thay thế bằng Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, có một số mức chi quy định tại Quyết định số 1345/2015/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa đến nay đã không còn phù hợp; mặt khác có một số nội dung chi quy định tại Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được cập nhật.

Việc ban hành “Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Thanh Hóa” là đúng quy định hiện hành và phù hợp với yêu cầu thực tế.

B) Những quy định chung

I. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, gồm:

1. Chi phục vụ kỳ họp HĐND; phiên họp của Thường trực HĐND;
2. Chi hội nghị của Thường trực HĐND; hội nghị của các Ban HĐND;
3. Chi hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
4. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri;
5. Tiền lương;
6. Hoạt động phí;
7. Chi tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, kiến nghị;
8. Một số chế độ chi khác phục vụ hoạt động của HĐND các cấp.

II. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các đối tượng: Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Đại biểu HĐND các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Thanh Hóa.

III. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí hoạt động của HĐND các cấp thực hiện theo Điều 126 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
2. Các nội dung chi chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt

động của Hội đồng nhân dân các cấp do NSNN đảm bảo. Đại biểu HĐND cấp nào thì được bố trí trong dự toán NSNN của HĐND cấp đó;

3. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của HĐND các cấp, đáp ứng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thực hiện chế độ chi, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật;

Mức chi chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp là mức chi tối đa, tùy vào khả năng ngân sách của từng cấp, của từng đơn vị mà thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi cho phù hợp trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị mình.

4. Các nội dung chi, mức chi đối với HĐND cấp huyện bằng 70% mức chi nội dung tương ứng của HĐND cấp tỉnh; các nội dung chi, mức chi đối với HĐND cấp xã bằng 50% mức chi nội dung tương ứng của HĐND cấp tỉnh

* Mức chi đối với cấp huyện, cấp xã (sau khi nhân với các tỷ lệ mức chi tương ứng của HĐND cấp tỉnh) được làm tròn lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam.

C) Chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp (1.000 đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Chi phục vụ kỳ họp HĐND; phiên họp của Thường trực HĐND				
1	Chế độ ăn, nghỉ cho đại biểu HĐND, khách mời: <i>Đại biểu HĐND, khách mời dự kỳ họp của HĐND được bố trí ăn, nghỉ tập trung tại các địa điểm do Thường trực HĐND cấp triệu tập Quyết định.</i>				
-	Chế độ ăn	người/buổi	100	70	50
-	Chế độ phòng nghỉ	Thực hiện theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa”.			
2	Chế độ bồi dưỡng cho chủ tọa và thư ký kỳ họp (Trường hợp họp vào thứ 7, chủ nhật thì bồi dưỡng gấp đôi mức quy định)				

	Chủ tọa	người/buổi	200	140	100
	Thư ký	người/buổi	150	110	80
3	Bồi dưỡng đại biểu HĐND (đọc tài liệu), khách mời	người/buổi	100	70	50
4	Chế độ đối với công chức, nhân viên phục vụ trực tiếp kỳ họp				
-	Bồi dưỡng cho các ngày diễn ra kỳ họp HĐND	người/buổi	80	60	40
-	Hỗ trợ tiền ăn trong các ngày diễn ra kỳ họp	người/buổi	100	70	50
5	Bồi dưỡng nhân viên phục vụ gián tiếp kỳ họp	người/buổi	50	40	30
6	Chi xây dựng báo cáo				
-	Báo cáo thẩm tra (bao gồm xây dựng, chỉnh lý, hoàn thiện báo cáo); chương trình, nội dung kỳ họp; tổng hợp ý kiến thảo luận; hoàn chỉnh Nghị quyết	văn bản	1.000	700	500
-	Thông báo kỳ họp	thông báo	500	350	250
II	Chi hội nghị của Thường trực HĐND và hội nghị của các Ban HĐND	Thực hiện theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.			
III	Chi hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND, các Ban HĐND				
1	Bồi dưỡng các đoàn khảo sát, giám sát				
-	Bồi dưỡng trưởng đoàn	người/buổi	150	110	80
-	Bồi dưỡng thành viên đoàn khảo sát, giám sát, thành phần mời tham gia đoàn, chuyên viên giúp việc Thường trực HĐND, các Ban HĐND	người/buổi	100	70	50
-	Phóng viên, lái xe, phục vụ	người/buổi	50	40	30
2	Xây dựng kế hoạch và đề cương báo cáo giám sát; báo cáo kết quả giám sát	văn bản/cuộc	1.000	700	500
3	Xây dựng kế hoạch và đề cương báo cáo khảo sát; báo cáo kết quả khảo sát	văn bản/cuộc	500	350	250
IV	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri				
1	Hỗ trợ các điểm tổ chức tiếp xúc cử tri theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND	điểm tiếp xúc	3.000	2.100	1.500

2	Hỗ trợ tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh				
	Đại biểu HĐND được bầu tại các huyện miền núi	người/năm	3.000		
	Đại biểu HĐND được bầu tại các huyện còn lại	người/năm	2.000		
3	Bồi dưỡng tham gia tiếp xúc cử tri				
-	Cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp	người/buổi	100	70	50
-	Cán bộ, công chức phục vụ gián tiếp	người/buổi	50	40	30
-	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trình kỳ họp	báo cáo	1.000	700	500
V	Tiền lương				
	Đại biểu HĐND hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND	mức lương cơ sở/ngày	0,14	0,12	0,1
VI	Hoạt động phí				
1	Đại biểu HĐND (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng	mức lương cơ sở/tháng	0,5	0,4	0,3
2	Hỗ trợ hoạt động đối với Ủy viên chuyên trách các Ban HĐND	mức lương cơ sở/tháng	0,6		
VII	Chi tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, kiến nghị	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 49/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh về việc: “Quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.			
VIII	Một số chế độ chi khác phục vụ hoạt động của HĐND				
1	Công tác phí đối với đại biểu HĐND các cấp và các đại biểu được Thường trực HĐND các cấp mời tham dự kỳ	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định			

	họp HĐND, họp các Ban của HĐND, giám sát, tiếp xúc cử tri và đi công tác thực hiện các nhiệm vụ khác của đại biểu HĐND	chế độ công tác phí, chế độ hội nghị” (Thường trực HĐND cấp nào mời có trách nhiệm thanh toán tiền công tác phí từ nguồn kinh phí hoạt động của HĐND cấp đó).			
2	Học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu HĐND	Đại biểu HĐND các cấp được học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu theo kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức viên chức hàng năm của tỉnh			
3	Chế độ tặng quà được thực hiện với các đối tượng: Các đối tượng chính sách được quy định tại khoản 1, Điều 2 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động của HĐND; gia đình liệt sỹ, hộ nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật, trường dân tộc nội trú, các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo..., khi đoàn tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà;	Mức giá trị quà tặng và thành phần đi tặng quà do Thường trực HĐND các cấp xem xét, quyết định.			
4	Tặng quà lưu niệm cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời khi tổng kết nhiệm kỳ.	Loại quà và mức giá trị quà tặng do Thường trực HĐND các cấp xem xét, quyết định.			
5	Chi thăm hỏi ốm đau				
-	Đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND ốm đau	người/lần (một năm không quá 02 lần)	1.000	700	500
-	Đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo	người/lần (một năm không quá 02 lần)	3.000	2.100	1.500
-	Đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND từ trần	người	1.500	1.050	750

-	Cha, mẹ đẻ (cha mẹ vợ, chồng); chồng (vợ); con đại biểu HĐND từ trần	người	1.000	700	500
5	Chế độ báo chí, điện thoại				
-	Đại biểu HĐND được cấp các loại báo: Báo Nhân dân, Báo Đại biểu nhân dân, Báo Thanh Hóa	Do Văn phòng HĐND cùng cấp đặt mua và phát cho đại biểu.			
-	Khoản cước phí điện thoại cho Phó Trưởng Ban HĐND	người/tháng	350	250	180
6	Hỗ trợ may trang phục				
-	Đại biểu HĐND	người/nhiệm kỳ	5.000	3.500	2.500
-	Công chức, nhân viên phục vụ	người/nhiệm kỳ	2.500	1.750	1.250
7	Trang bị phương tiện làm việc là máy vi tính xách tay	máy vi tính xách tay/người/nhiệm kỳ	01		

D) Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện

I. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện phục vụ hoạt động của HĐND các cấp được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

II. Thời gian thực hiện: Từ ngày tháng năm 2019.

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê chuẩn để Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, các ngành liên quan;
- Lưu: VT, KTTTC Thn 2019106 (300).

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *Chau*



Lê Thị Thìn
Lê Thị Thìn



Số: /2019/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng 7 năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành quy định chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 9.**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước”;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc: “Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Đại biểu Hội đồng nhân dân”;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị”; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo Quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước”;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày...../7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc: “Đề nghị ban hành quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số...../BC-UBND ngày...../7/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày tháng 7 năm 2019; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 1345/2015/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh về việc: “Ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa”./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TTtr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Công báo tỉnh
- UBND cấp huyện;
- UBND cấp xã;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

QUY ĐỊNH

Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa.

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2019/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII, kỳ họp thứ 9)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, gồm:

1. Chi phục vụ kỳ họp HĐND; phiên họp của thường trực HĐND;
2. Chi hội nghị của Thường trực HĐND; hội nghị của các Ban HĐND;
3. Chi hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
4. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri;
5. Tiền lương
6. Hoạt động phí
7. Chi tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, kiến nghị.
8. Một số chế độ chi khác phục vụ hoạt động của HĐND các cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các đối tượng: Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Đại biểu HĐND các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí hoạt động của HĐND các cấp thực hiện theo Điều 126 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
2. Các nội dung chi chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp do NSNN bảo đảm, đối với đại biểu HĐND cấp nào thì được bố trí trong dự toán NSNN của HĐND cấp đó;
3. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của HĐND các cấp, đáp ứng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thực hiện chế độ chi, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật;

Mức chi chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp là mức chi tối đa, tùy vào khả năng ngân sách của từng

cấp, của từng đơn vị mà thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi cho phù hợp trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị mình.

4. Các nội dung chi, mức chi đối với HĐND cấp huyện bằng 70% mức chi nội dung tương ứng của HĐND cấp tỉnh; các nội dung chi, mức chi đối với HĐND cấp xã bằng 50% mức chi nội dung tương ứng của HĐND cấp tỉnh

* Mức chi đối với cấp huyện, cấp xã (sau khi nhân với các tỷ lệ mức chi tương ứng của HĐND cấp tỉnh) được làm tròn lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam.

Chương II

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP TỈNH THANH HÓA

Điều 4. Nội dung chi và mức chi cụ thể

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp (1.000 đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Chi phục vụ kỳ họp HĐND; phiên họp của Thường trực HĐND				
1	Chế độ ăn, nghỉ cho đại biểu HĐND, khách mời: <i>Đại biểu HĐND, khách mời dự kỳ họp của HĐND được bố trí ăn, nghỉ tập trung tại các địa điểm do Thường trực HĐND cấp triệu tập quyết định</i>				
-	Chế độ ăn	người/buổi	100	70	50
-	Chế độ phòng nghỉ		Thực hiện theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa”.		
2	Chế độ phòng nghỉ cho đại biểu HĐND, khách mời		Thực hiện theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa”.		
3	Chế độ bồi dưỡng cho chủ tọa và thư ký kỳ họp (Trường hợp họp vào thứ 7, chủ nhật thì bồi dưỡng gấp đôi mức quy định)				
	Chủ tọa:	người/buổi	200	140	100
	Thư ký:	người/buổi	150	110	80
4	Bồi dưỡng đại biểu HĐND (đọc tài liệu), khách mời	người/buổi	100	70	50
5	Chế độ đối với công chức, nhân				

	viên phục vụ trực tiếp kỳ họp				
-	Bồi dưỡng cho các ngày diễn ra kỳ họp HĐND	người/buổi	80	60	40
-	Hỗ trợ tiền ăn trong các ngày diễn ra kỳ họp	người/buổi	100	70	50
6	Bồi dưỡng nhân viên phục vụ gián tiếp kỳ họp	người/buổi	50	40	30
7	Chi xây dựng báo cáo				
-	Báo cáo thẩm tra (bao gồm xây dựng, chỉnh lý, hoàn thiện báo cáo); chương trình, nội dung kỳ họp; tổng hợp ý kiến thảo luận; hoàn chỉnh Nghị quyết	văn bản	1.000	700	500
-	Thông báo kỳ họp	thông báo	500	350	250
II	Chi hội nghị của Thường trực HĐND và hội nghị của các ban HĐND	Thực hiện theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.			
III	Chi hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND, các Ban HĐND				
1	Bồi dưỡng các đoàn khảo sát, giám sát				
-	Bồi dưỡng trưởng đoàn	người/buổi	150	110	80
-	Bồi dưỡng thành viên đoàn khảo sát, giám sát, thành phần mời tham gia đoàn, chuyên viên giúp việc Thường trực HĐND, các Ban HĐND	người/buổi	100	70	50
-	Phóng viên, lái xe, phục vụ	người/buổi	50	40	30
2	Xây dựng kế hoạch và đề cương báo cáo giám sát; báo cáo kết quả giám sát	văn bản/cuộc	1.000	700	500
3	Xây dựng kế hoạch và đề cương báo cáo khảo sát; báo cáo kết quả khảo sát	văn bản/cuộc	500	350	250
IV	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri				
1	Hỗ trợ các điểm tổ chức tiếp xúc cử tri theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND	điểm tiếp xúc	3.000	2.100	1.500
2	Hỗ trợ tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh				
	Đại biểu HĐND được bầu tại các huyện miền núi	người/năm	3.000		
	Đại biểu HĐND được bầu tại các huyện còn lại	người/năm	2.000		

3	Bồi dưỡng tham gia tiếp xúc cử tri				
-	Cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp	người/buổi	100	70	50
-	Cán bộ, công chức phục vụ gián tiếp	người/buổi	50	40	30
-	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trình kỳ họp	báo cáo	1.000	700	500
V	Tiền lương				
	Đại biểu HĐND hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND	mức lương cơ sở/ngày	0,14	0,12	0,1
VI	Hoạt động phí				
1	Đại biểu HĐND (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng	mức lương cơ sở/tháng	0,5	0,4	0,3
2	Hỗ trợ hoạt động đối với Ủy viên chuyên trách các Ban HĐND	mức lương cơ sở/tháng	0,6		
VII	Chi tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, kiến nghị	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 49/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh về việc: “Quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh”.			
VIII	Một số chế độ chi khác phục vụ hoạt động của HĐND				
1	Công tác phí đối với đại biểu HĐND các cấp và các đại biểu được Thường trực HĐND các cấp mời tham dự kỳ họp HĐND, họp các Ban của HĐND, giám sát, tiếp xúc cử tri và đi công tác thực hiện các nhiệm vụ khác của đại biểu HĐND	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị”. (Thường trực HĐND cấp nào mời có trách nhiệm thanh toán tiền công tác phí từ nguồn kinh phí hoạt động của HĐND cấp đó).			
2	Học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu HĐND	Đại biểu HĐND các cấp được học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu theo kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức viên chức hàng năm của tỉnh			
3	Chế độ tặng quà cho các đối	Mức giá trị của quà tặng do Thường trực HĐND các cấp			

	tượng chính sách – xã hội: Các đối tượng chính sách được quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động của HĐND; gia đình liệt sỹ, hộ nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú, các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo..., khi đoàn tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà	xem xét, quyết định.			
4	Tặng quà lưu niệm cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời khi tổng kết nhiệm kỳ	Loại quà và mức giá trị quà tặng do Thường trực HĐND các cấp xem xét, quyết định			
5	Chi thăm hỏi ốm đau				
-	Đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND ốm đau	người/lần (một năm không quá 02 lần)	1.000	700	500
-	Đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo	người/lần (một năm không quá 02 lần)	3.000	2.100	1.500
-	Đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND từ trần	người	1.500	1.050	750
-	Cha, mẹ đẻ (cha mẹ vợ, chồng); chồng (vợ); con đại biểu HĐND từ trần	người	1.000	700	500
6	Chế độ báo chí, điện thoại				
-	Đại biểu HĐND được cấp các loại báo: Báo Nhân dân, Báo Đại biểu nhân dân, Báo Thanh Hóa	Do Văn phòng HĐND cùng cấp đặt mua và phát cho đại biểu			
-	Khoản cước phí điện thoại cho Phó Trưởng Ban HĐND	người/tháng	350	250	180
7	Hỗ trợ may trang phục				
-	Đại biểu HĐND	người/nhiệm kỳ	5.000	3.500	2.500
-	Công chức, nhân viên phục vụ:	người/nhiệm kỳ	2.500	1.750	1.250
8	Trang bị phương tiện làm việc là máy vi tính xách tay	máy vi tính xách tay/người/nhiệm kỳ	01		

Điều 5. Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện phục vụ hoạt động của HDND các cấp được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Thời gian thực hiện: Từ ngày tháng năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Số: 256 /BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về việc quy định một số mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Sở Tài chính Thanh Hóa.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1877/STC-HCSN ngày 17/05/2019 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc quy định một số mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa. Sau khi nghiên cứu hồ sơ thẩm định, căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

Dự thảo văn bản đã xác định rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và phù hợp với nội dung của dự thảo văn bản.

2. Về tính hợp pháp của dự thảo văn bản:

a) Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Tại Khoản 3, Điều 7 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Đại biểu Hội đồng nhân dân quy định "*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách và các Điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật*".

Tại Khoản 3, Điều 14 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị quy định "*Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp*".

Căn cứ các quy định trên thì HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc ban hành quy định chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại

biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa là phù hợp và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung đối với dự thảo Quy định:

Nội dung dự thảo đã quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc chung, các nội dung chi và mức chi cụ thể cho từng đối tượng, nguồn kinh phí và thời gian thực hiện, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của địa phương.


3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản:

Dự thảo đã đảm bảo về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Kính chuyển Sở Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, XDVB.

GIÁM ĐỐC

Bùi Đình Sơn